TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2019/DS-PT.
Ngày: 08/11/2019.
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 176/2019/QĐ-PT ngày 18/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 394/2019/QĐ-PT ngày 29/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phúc T1, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: F khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Văn N, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Y, khu phố G, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2019 – Có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Như T2, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số R, Lô D, khu dân cư T, ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2019 – Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thanh A, sinh năm: 1982.

Địa chỉ thường trú: F khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Y, khu phố G, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Phúc T1.

Người kháng nghị: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T3 trình bày:

Ông T1 quen biết với bà S do làm chung công việc kinh doanh với nhau. Năm 2017, bà S biết ông Nguyễn Văn T4 và bà Vũ Thị H1 đang cần bán nhà tại địa chỉ tổ 8C, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai nên bà S có nói với ông T1 muốn mua căn nhà trên. Để giúp đỡ bà S, ông T1 đã bán căn nhà của ông T1 ở phường Tân Mai, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai cho bà Nguyễn Thị Bạch T5 với giá 745.000.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng) để đưa tiền cho bà S mua căn nhà của ông T4 và bà H1. Tuy nhiên, trước khi bán nhà ở phường Tân Mai cho bà T5 để kịp thời giao tiền cho ông T4, bà H1 nên ông T1 đã hỏi mượn bà H1g Thị Kim H2 số tiền 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng) để trả cho ông T4, bà H1 và sau khi bán nhà cho bà T5 xong ông T1 đã lấy tiền bán nhà và bù thêm ít tiền để trả tiền cho bà H2. Ông T1 đã đưa cho ông T4, bà H1 số tiền 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng) vào ngày 06/11/2017 để mua căn nhà và đất tại địa chỉ tổ 8C, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Vì tin tưởng bà S nên ông T1 đã để bà S đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký 06/11/2017 giữa bà S và ông T4 bà H1 tại phòng công chứng Lê Tâm. Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu bà S có trách nhiệm trả cho ông số tiền 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng) mà ông đã hùn mua căn nhà tại địa chỉ tổ 8C, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và lãi suất 1% từ thời điểm giao tiền đến khi xét xử.

Tại phiên tòa, bà T3 đại diện theo ủy quyền của ông T1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó ông T1 chỉ yêu cầu bà S có trách nhiệm trả cho ông T1 số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) theo như lời bà S thừa nhận tại Công an phường Tân Mai ngày 28/01/2018 và lãi suất 1%/tháng từ ngày 28/01/2018 đến ngày xét xử số tiền là 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền ông T1 yêu cầu bà S phải trả lại cho ông là 508.000.000đ (năm trăm lẻ tám triệu đồng).

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T2 trình bày:

Bà S quen biết với ông T1 như thế nào thì ông không rõ. Nguồn tiền mua căn nhà ở phường Trảng Dài của ông T4, bà H1 là của bà S tích cóp được mà có. Vào năm 2017, bà S có mua căn nhà tại địa chỉ tổ 8C1, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai của ông Nguyễn Văn T4 và bà Vũ Thị H1, hai bên có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/11/2017 tại phòng công chứng Lê Tâm, giá theo hợp đồng là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng giá thực tế là 1.150.000.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), số tiền này bà S trả làm các lần như sau:

Lần 1, 2, 3 theo giấy biên nhận ngày 26/11/2017 giao số tiền là 260.000.000đ (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Lần 4 giao tiền vào ngày 06/11/2017 với số tiền là 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng).

Lần 5 giao tiền vào ngày 15/11/2017 với số tiền là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng);

Lần 6 giao 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) tiền đồ đạc.

Các lần giao tiền ông T4, bà H1 đều ghi biên nhận và ký tên, bà S là bên giao tiền, ông T4 là bên nhận tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1 bà S không đồng ý vì các lý do sau:

Thứ nhất: Toàn bộ nguồn tiền mua căn nhà của ông T4, bà H1 là của bà S tích cóp được.

Thứ hai: Ông T1 không có giấy tờ gì chứng minh việc ông T1 và bà S có góp tiền mua chung nhà của ông T4 bà H1.

Thứ ba: Đoạn băng ghi âm mà ông T1 nộp cho Tòa được ghi âm tại công A phường Tân Mai thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 28/01/2018 theo đó ông T1 cho rằng tại công an phường Tân Mai bà S thừa nhận và đồng ý trả lại cho ông 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) là vì lúc đó ông T1 làm đơn tố cáo bà tại Công an phường Tân Mai và đe dọa sẽ yêu cầu công an xử lý hình sự bà S về việc bà S tự ý lấy đồ đạc trong nhà của ông T1 nên bà S mới đồng ý trả cho ông T1 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) là tiền giá trị đồ đạc mà bà S tự ý lấy của ông T1.

Do đó, bà S không đồng ý với yêu cầu của ông T1 là yêu cầu bà S phải trả lại cho ông T1 số tiền là 508.000.000đ (năm trăm lẻ tám triệu đồng)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Vũ Thanh A: Thống nhất ý kiến của đại diện theo ủy quyền của ông T1 và không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ vào các điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1

điều 39; khoản 2, 3, 4 điều 68; khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phúc T1 về việc yêu cầu bà Lê Thị S có trách nhiệm trả cho ông số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và lãi suất từ ngày 28/01/2018 đến ngày xét xử là 108.000.000đ (một trăm lẻ tám triệu đồng). Tổng cộng là 508.000.000đ (Năm trăm lẻ tám triệu đồng).

Ông T1 phải chịu 24.320.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T1 đã nộp 19.095.000 đồng tại biên lai thu số 009520 ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa nên ông T1 phải nộp thêm 5.225.000 đồng tiền án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/6/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Phúc T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Lê Thị S phải trả lại cho ông số tiền gốc mà bà S nợ ông là 400.000.000 đồng và 1% tiền lãi phát sinh trên tiền gốc tính từ ngày 25/01/2018.

Ngày 28/6/2019, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa có Quyết định kháng nghị số 1174/QĐ-KNPT-DS kháng nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2019/DS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về đường lối giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Ông T1 khởi kiện bà Svề việc đòi lại số tiền 780.000.000 đồng, đây là số tiền khi thì ông T1 cho rằng hùn hạp với bà S để mua nhà, khi thì cho rằng đã cho bà S mượn vào tháng 10/2017 để mua căn nhà tại tổ 8 C1, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình giải quyết, ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã đưa tiền cho bà S để hùn hạp hay cho bà S mượn để mua nhà tại tổ 8 C1, khu phố 3, phường Trảng Dài. Tài liệu, chứng cứ về việc ông T1 đi cùng bà S để mua căn nhà tại tổ 8 C1, khu phố 3, phường Trảng Dài không thể hiện ông T1 là người giao tiền mà toàn bộ giấy giao tiền đều do bà S ký tên, không có chữ ký giao tiền của ông T1 cho người bán. Ông T1 căn cứ vào "File ghi âm ngày 25/01/2018 tại Công an phường Tân Mai" cho rằng bà S đã thừa nhận và đồng ý trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng trong tổng số tiền 780.000.000 đồng nên

tại phiên tòa sơ thẩm ông T1 thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà S trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng là cũng không có cơ sở chấp nhận vì bà S không thừa nhận có sự hùn hạp, hay vay mượn số tiền 780.000.000 đồng của ông T1 để mua căn nhà tại tổ 8 C1, khu phố 3, phường Trảng Dài. Đối với "File ghi âm ngày 25/01/2018 tại Công an phường Tân Mai", Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường Tân Mai, nội dung xác minh thể hiện Công an phường Tân Mai có mời bà S lên làm việc theo nội dung đơn tố cáo của ông T1 về việc ông T1 tố cáo bà S tự ý lấy cắp đồ đạc của ông T1 ra khỏi nhà. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành cho các bên nghe nội dung băng ghi âm, các bên thừa nhận giọng nói của mình, nhưng phía bà S có ông T2 là đại diện cho rằng bà S đồng ý trả 400.000.000 đồng là giá trị tài sản mà bà S tự ý lấy đi của ông T1 chứ không phải số tiền 780.000.000đ như yêu cầu khởi kiện của ông T1. Cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc buộc bà S trả lại số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 28/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ phù hợp pháp luật. Do đó, kháng cáo của ông T1 là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phúc T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Phúc T1 trong hạn luật định, ông T1 đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ngày 06/11/2017, bà Lê Thị Scó nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T4 và bà Vũ Thị H1 căn nhà gắn liền quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 425 tờ bản đồ số 6 tại địa chỉ tổ 8C, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với giá 1.150.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Tâm, giá ghi theo hợp đồng là 10.000.000 đồng, giá thực tế chuyển nhượng 1.150.000.000 đồng.

Ông T1 cho rằng trong giao dịch mua bán nhà và đất trên, có phần tiền của ông là 780.000.000 đồng nên ông khởi kiện yêu cầu bà Scó trách nhiệm trả lại ông số tiền 780.000.000 đồng và lãi suất kể từ thời điểm giao tiền cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà S trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 28/01/2018 đến ngày xét xử với số tiền lãi là 108.000.000 đồng, tổng cộng là 508.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 có cung cấp cho Tòa án đoạn băng ghi âm mà ông đã ghi âm tại công an phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày 28/01/2018. Cùng với việc giao nộp đoạn ghi âm trên ông T1 cũng đã đánh máy lại nội dung ghi âm và chỉ ra việc bà S thừa nhận có nợ tiền ông trong buổi ghi âm ngày 28/01/2018 tại công an phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Theo biên bản xác minh tại Công an phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày 08/04/2019 thì Công an phường Tân Mai có mời bà S lên làm việc theo nội dung đơn tố cáo của ông T1, theo đó ông T1 tố cáo bà S đã tự ý lấy cắp đồ đạc của ông T1 ra khỏi nhà tại phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mAg về nhà tại phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành cho các bên đương sự nghe nội dung băng ghi âm, các bên đương sự đều thừa nhận giọng nói là của ông T1 và bà S. Tuy nhiên, phía bà S cho rằng tại buổi làm việc ở Công A phường Tân Mai chỉ làm việc về nội dung bà S tự ý di chuyển đồ đạc của ông T1, bà S đồng ý trả cho ông T1 400.000.000 đồng là đồng ý trả cho giá trị tài sản đồ đạc mà bà S đã tự ý lấy đi của ông T1 không phải số tiền 780.000.000 đồng như lời ông T1 trình bày.

Trong giao dịch mua bán nhà với ông T4 và bà H1 thì toàn bộ tất cả các lần giao nhận tiền đều có làm giấy tờ và đều do bà S đứng tên ở phần người giao tiền kể cả giấy giao tiền 780.000.000 đồng ngày 06/11/2017, người bán nhà là ông T4 bà H1 có lời khai không thống nhất và cũng không xác định được số tiền 780.000.000 đồng là tiền của ông T1 hay bà S (BL số 22, 92, 166, 167). Đồng thời, qua xác minh tại Công an phường Tân Mai và trên cơ sở nội dung băng ghi âm đều không chứng minh được số tiền 400.000.000 đồng mà bà S đồng ý đưa cho ông T1 theo nội dung băng ghi âm ngày 28/01/2018 là để trả cho số tiền 780.000.000 đồng mà ông T1 cho rằng bà S đã nhận của ông.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc yêu cầu bà Strả cho ông số tiền 400.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 28/01/2018 đến ngày xét xử với số tiền lãi là 108.000.000 đồng, tổng cộng là 508.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phúc T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 400.000.00 đồng và tiền lãi kể từ ngày 28/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 66.000.000 đồng, tổng cộng là 466.000.000 đồng nên cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Phúc T1 phải chịu 22.640.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Phúc T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 289 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phúc T1 về việc yêu cầu bà Lê Thị S trả cho ông số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 66.000.000 đồng, tổng cộng là 466.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Phúc T1 phải chịu 22.640.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ các số tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp 19.095.000 đồng theo biên lai thu số 009520 ngày 05/11/2018 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008654 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, ông Nguyễn Phúc T1 còn phải nộp tiếp 3.245.000đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục huyện Long Thành;
- TAD huyện Long Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhu